

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HIỆP HÒA  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **42/2021/HS-ST**  
Ngày 14- 5- 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm P - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Toàn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Bùi Thế Hanh.

Ông Lê Thanh Miện.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Thị Huệ- Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:* Bà Dương Thị Thúy- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 34/2021/TLST-HS ngày 13 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2021/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1998 tại xã L, huyện H, tỉnh B; Nơi cư trú: Thôn C, xã L, huyện H, tỉnh B; Nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn L, sinh năm 1975 và bà: Nguyễn Thị L, sinh năm 1976; vợ: chưa có; con: chưa có con; tiền án: Bản án số 54/2017/HSST ngày 13/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa xử phạt T 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/01/2020; tiền sự: không; nhân thân: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/12/2020 đến ngày 25/3/2021 trốn và bị bắt vào ngày 26/3/2021 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang- Có mặt.

**- Bị hại:**

1. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1996; Địa chỉ: Thôn K, xã L, huyện H, tỉnh B- Có mặt.

2. Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1974; Địa chỉ: Thôn C, xã L, huyện H, tỉnh B - Vắng mặt.

**- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1976 (mẹ của anh L); Địa chỉ: Thôn C, xã L, huyện H, tỉnh B- Vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Viết S, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện H, tỉnh B- Vắng mặt.
  3. Anh Đinh Văn Đ, sinh năm 2000; Địa chỉ: Thôn D, xã D, huyện H, tỉnh B- Vắng mặt.
  4. Anh Nguyễn Xuân P, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện G, tỉnh B; hiện đang tạm trú tại: Thôn A, xã Đ, huyện H, tỉnh B- Vắng mặt.
  5. Anh Trần Đình N, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn D, xã Đ, huyện T, tỉnh B- Vắng mặt.
  6. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn C, xã L, huyện H, tỉnh B- Có mặt.
  7. Anh Nguyễn Bá L, sinh năm 1982; Địa chỉ: Khu 5, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh- Vắng mặt.
  8. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn C, xã L, huyện H, tỉnh B- Có mặt.
  9. Anh Trương Đức P, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện H, tỉnh B- Vắng mặt.
- *Người tham gia tố tụng khác:*
- + Người định giá tài sản: Bà Nguyễn Thị V- Chủ tịch Hội đồng; bà Vũ Thị V- thành viên thường trực; ông Nguyễn Hữu Q- thành viên; ông Trần Đình H- thành viên; ông Bùi Đức C- thành viên.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1998 ở Thôn C, xã L, huyện H, tỉnh B là đối tượng mới chấp hành xong hình phạt tù về tội Cướp tài sản trở về địa phương lại tiếp tục thực hiện nhiều hành vi phạm tội, cụ thể:

### ***Về hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và lừa đảo chiếm đoạt tài sản:***

Khoảng 02 giờ ngày 08/12/2020, tại quán cà phê M thuộc địa phận xã V, huyện V, tỉnh B, do có mối quan hệ quen biết, T hỏi mượn chiếc xe mô tô Honda Dream màu nâu biển kiểm soát 76C1-03.79 của anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1974 ở thôn Cẩm, xã Lương Phong, huyện Hiệp Hòa với mục đích làm phương tiện đi lại. T điều khiển xe mô tô của anh C đến nhà nghỉ Đ ở thôn D, xã D, huyện H, tỉnh B để ngủ. Khoảng 09 giờ cùng ngày, sau khi ngủ dậy không có tiền trả nhà nghỉ, T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe của anh C. Tại đây, T đã cầm cố chiếc xe mô tô của anh C cho Đinh Văn Đ, sinh năm 2000 ở thôn D, xã D, huyện H, tỉnh B được 5.000.000 đồng. Số tiền này T đã chi tiêu cá nhân hết.

Do không có tiền trả cho anh Đ để chuộc xe trả lại cho anh C, T đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Khoảng 15 giờ ngày 21/12/2020, T đi bộ từ nhà ra xưởng gỗ

Minh L của gia đình chị Nguyễn Thị L là người cùng thôn thì gặp anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1996 ở thôn K, xã L, huyện H làm việc tại đây. T nhìn thấy chiếc xe mô tô của anh L nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe. Lợi dụng việc trước đây anh L đã nhiều lần cho T mượn xe xong T đều trả đúng hạn và anh L biết T có người yêu tên N quê ở huyện Lục Nam. Để thực hiện được việc lừa đảo, T giả vờ hỏi mượn anh L chiếc xe mô tô Honda Wave an pha màu đen bạc biển kiểm soát 98D1-790.92 nói dối để đưa người yêu về. Thực tế thì bạn gái của T đã về quê từ hôm trước. Vì anh L biết T có người yêu nên tưởng thật, đã đồng ý giao xe cho T. Ngay sau khi lấy được xe của anh L, T điều khiển xe mô tô của anh L đến nhà nghỉ Đ ở thôn D, xã D, huyện H, tỉnh B ngủ. Đến sáng ngày 23/12/2020, T mang xe của anh L đi cầm cố cho Nguyễn Viết S, sinh năm 1987 ở thôn B, xã H, huyện H được 5.000.000 đồng, T chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 22/12/2020, anh Nguyễn Văn L có đơn trình báo sự việc đến Công an xã Lương phong. Ngày 27/12/2020, anh Nguyễn Văn C có đơn trình báo Công an huyện Hiệp Hòa về hành vi phạm tội của Nguyễn Văn T. Ngày 28/12/2020, Nguyễn Văn T đến Công an xã Lương Phong đầu thú, khai nhận về hành vi phạm tội của mình. Cùng ngày, Công an xã Lương Phong lập biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú.

Ngày 27/12/2020, anh Đinh Văn Đ giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa 01 chiếc xe mô tô Honda Dream màu nâu biển kiểm soát 76C1-003.79 và 01 giấy bán xe của Nguyễn Văn T bán cho Đinh Văn Đ.

Ngày 28/12/2020, anh Nguyễn Văn Giang (là người làm tại quán sửa xe của anh S) giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa 01 chiếc xe mô tô Honda Wave an pha màu đen bạc biển kiểm soát 98D1- 790.92 và giấy vay tiền của Nguyễn Văn T.

Ngày 29/12/2020 và ngày 02/02/2021 Cơ quan CSĐT Công an huyện Hiệp Hòa yêu cầu định giá tài sản đối với chiếc xe mô tô T chiếm đoạt của anh L và của anh C. Tại Kết luận số 61 ngày 31/12/2020 và số 11 ngày 08/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Hiệp Hòa kết luận: Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98D1-790.92 trị giá 13.500.000 đồng (Mười ba T năm trăm nghìn đồng); Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 76C1-003.79 trị giá 7.000.000 đồng (Bảy T đồng).

Quá trình điều tra chứng minh được chiếc xe mô tô Honda Wave an pha biển kiểm soát 98D1-790.92 là của bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1976 (là mẹ của anh L) ở Thôn C, xã Lương Phong, huyện Hiệp Hòa và chiếc xe mô tô Honda Dream biển kiểm soát 76C1-003.79 là của anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1974 ở thôn Cẩm, xã Lương Phong, huyện Hiệp Hòa. Ngày 09/3/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa đã xử lý vật chứng trả lại chiếc xe trên cho bà T và anh C.

Nay bà Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn C đã nhận lại tài sản nguyên vẹn nên không có yêu cầu gì đối với T; Anh Đinh Văn Đ và anh Nguyễn Viết S yêu cầu T trả lại cho mỗi người 5.000.000 đồng.

**Về hành vi trốn khỏi nơi giam, giữ:** Trong khi T đang bị tạm giam ở buồng giam số 6 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hiệp Hòa theo Lệnh tạm giam số 07 ngày 24/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa để điều tra, xử lý về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Khoảng hơn 19

giờ ngày 25/3/2021, T kêu đau bụng và gọi cán bộ Nhà tạm giữ, lúc này có anh Đinh Văn D là cán bộ trực quản giáo Nhà tạm giữ nghe thấy đã báo cáo, đề xuất và được lãnh đạo đồng ý đưa T đến phòng y tế của Nhà tạm giữ để thăm khám. Khi đưa T đến phòng y tế, cán bộ D không khóa chân, tay T mà cho T nằm trên giường để chờ cán bộ y tế đến thăm khám, đồng thời đi sang phòng trực của cán bộ để lấy dầu gió cho T. Lợi dụng sơ hở của cán bộ Nhà tạm giữ, T đã chạy trốn trèo qua hàng rào dây thép gai phân cách giữa kho vật chứng và Nhà tạm giữ, đu bám trèo qua tường bảo vệ khu Nhà tạm giữ rồi tẩu thoát ra ngoài khu dân cư phía sau Nhà tạm giữ. T chạy qua cánh đồng đến ngã tư thuộc Công B, thị trấn T rồi nhờ người dân ở đó gọi xe taxi đến đón. T bảo lái xe taxi chở đến phòng trọ của anh Nguyễn Xuân P, sinh năm 1992 ở xã B, huyện G, tỉnh B hiện đang trọ tại thôn A, xã Đ, huyện H (anh P đang làm công nhân may ở công ty H). Đến nơi T gọi cửa và xin tiền anh P và nói cho anh P biết T vừa trốn khỏi Nhà tạm giữ. Anh P nói không có tiền, T mượn điện thoại của anh P gọi cho anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1990 ở Thôn C, xã Lương Phong, huyện Hiệp Hòa xin tiền và cũng nói cho anh H biết T đã trốn khỏi nơi giam giữ thì được anh H đồng ý. T bảo lái xe taxi chở đến công làng Thôn C gặp anh H thì được anh H cho 150.000 đồng. Số tiền này T đã trả tiền xe taxi. Sau đó T đi xe taxi quay về phòng trọ của anh P và mượn điện thoại liên lạc qua Zalo với anh Trần Đình N, sinh năm 1992 ở Thôn D, xã Đ, huyện T, tỉnh B nói T xuống chơi thì anh N đồng ý. T liên lạc với anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1993 ở Thôn C, xã Lương Phong để xin tiền thì anh T đồng ý. T tiếp tục liên lạc bạn gái là chị Nguyễn Thị N, sinh năm 2002 ở thôn L, xã Huyền S, huyện L hẹn gặp nhưng chị N từ chối. T nhờ anh P chở đến gặp anh T để lấy tiền nhưng anh P không đồng ý, anh P cho T 57.000 đồng để T đi taxi. T mượn điện thoại của anh P để gọi tổng đài taxi 89, lúc này anh Trương Đức P, sinh năm 1985 ở thôn A, xã Đ là nhân viên lái xe ở gần đó nên đã đến chở T. T lên xe ngồi phía sau và mượn điện thoại của anh P để liên lạc qua Zalo với anh T đến quán cắt tóc Khánh Huyền ở xã Thái S, huyện Hiệp Hòa để gặp anh T thì được anh T cho T 1.000.000 đồng. T bảo anh P đưa T xuống Bắc Ninh đến nhà anh N. Đến nơi T trả anh P 650.000 đồng tiền taxi và vào nhà anh N ngủ. Đến khoảng 04 giờ 30 phút ngày 26/3/2021, T và anh N đi chơi điện tử ở quán Internet gần đó. Khoảng 8 giờ cùng ngày anh N gọi điện cho anh Nguyễn Bá L, sinh năm 1982 ở khu 5, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh hẹn đến nhà anh L chơi. Khoảng 9 giờ khi T và anh N đang chơi ở nhà anh L thì lực lượng công an huyện Hiệp Hòa bắt giữ T và lập biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang về hành vi trốn khỏi nơi giam, giữ và thu giữ trên người T 100.000 đồng.

Ngày 26/3/2021, anh Nguyễn Xuân P giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 chiếc điện thoại Iphone 12 Promax là chiếc điện thoại Nguyễn Văn T mượn sử dụng để liên lạc khi trốn khỏi Nhà tạm giữ. Ngày 31/3/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa đã xử lý vật chứng trả lại chiếc điện thoại trên cho P.

Từ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và trốn khỏi nơi giam, giữ nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn T, tại bản cáo trạng số 39/CT-VKS- HH ngày 09/4/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T ra trước Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

để xét xử về các tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và “Trốn khỏi nơi giam, giữ”, theo khoản 1 Điều 174; điểm b khoản 1 Điều 175 và khoản 1 Điều 386 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa công khai sơ thẩm, bị cáo thừa nhận đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và trốn khỏi nơi giam, giữ như cáo trạng truy tố và nội dung vụ án đã tóm tắt nêu trên. Bị cáo rất hối hận về việc làm của mình nên đã ra đầu thú về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản và lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, thành khẩn khai báo, đồng ý bồi thường về dân sự cho những người liên quan trong vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo.

Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày: Các bị hại đều đã nhận lại được tài sản do bị cáo chiếm đoạt nên không có yêu cầu gì về dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý bị cáo về hình sự theo quy định của pháp luật; đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Đinh Văn Đ và anh Nguyễn Viết S yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho mỗi người số tiền 5.000.000 đồng (Năm T đồng).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa giữ nguyên quan điểm như cáo trạng truy tố bị cáo về các tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và “Trốn khỏi nơi giam, giữ”, theo khoản 1 Điều 174; điểm b khoản 1 Điều 175 và khoản 1 Điều 386 của Bộ luật Hình sự. Sau khi phân tích tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm các tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và “Trốn khỏi nơi giam, giữ”.

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm b khoản 1 Điều 175; khoản 1 Điều 386; điểm s khoản 1, khoản 2 (đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản) Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Nguyễn Văn T từ 12 tháng tù đến 14 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; từ 10 tháng tù đến 12 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; từ 12 tháng tù đến 14 tháng tù về tội “Trốn khỏi nơi giam, giữ”; Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chấp hành hình phạt chung của cả 03 tội từ 34 tháng tù đến 40 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày tạm giam bị cáo 26/3/2021, được trừ đi số ngày đã tạm giữ, tạm giam bị cáo (từ ngày 28/12/2020 đến ngày 25/3/2021).

- Về dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 30 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 589 của Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho anh anh Đinh Văn Đ số tiền 5.000.000 đồng (Năm T đồng) và bồi thường thiệt hại cho anh Nguyễn Viết S số tiền 5.000.000 đồng (Năm T đồng).

- Về vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2 và khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại bị cáo Nguyễn Văn T số tiền gồm

01 tờ mệnh giá 100.000đ (Một trăm nghìn đồng), có số seri SM16868904, nhưng tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện theo các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Việc truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo và mức án do kiểm sát viên đề nghị là có căn cứ và đúng pháp luật, phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo.

[2]. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai tại Cơ quan điều tra về thời gian, địa điểm, quá trình bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Trong khoảng thời gian từ ngày 08/12/2020 đến 25/3/2021, Nguyễn Văn T đã thực hiện ba hành vi phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Trốn khỏi nơi giam, giữ. Cụ thể: Ngày 08/12/2020, T đã lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt chiếc xe mô tô Hon da Dream biển kiểm soát 76C1-003.79 của anh Nguyễn Văn C tại nhà nghỉ Đ thuộc thôn D, xã D, huyện H, tỉnh B; trị giá chiếc xe mô tô là 7.000.000 đồng (Bảy T đồng). Ngày 21/12/2020, T đã lừa đảo chiếm đoạt chiếc xe mô tô Honda Wave an pha biển kiểm soát 98D1-790.92 của anh Nguyễn Văn L tại xưởng mộc Minh L thuộc Thôn C, xã Lương Phong, huyện Hiệp Hòa; trị giá chiếc xe 13.500.000 đồng (Mười ba T năm trăm nghìn đồng). Ngày 25/3/2021, khi đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hiệp Hòa, Nguyễn Văn T đã lợi dụng sơ hở của cán bộ Nhà tạm giữ trèo tường bảo vệ trốn khỏi Nhà tạm giữ Công an huyện Hiệp Hòa. Ngày 26/3/2021, khi đang lẩn trốn tại phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, T đã bị lực lượng Công an huyện Hiệp Hòa bắt giữ. Như vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ kết luận cho bị cáo Nguyễn Văn T phạm các tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và “Trốn khỏi nơi giam, giữ” theo khoản 1 Điều 174; điểm b khoản 1 Điều 175 và khoản 1 Điều 386 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động tư pháp của Nhà nước về chế độ giam, giữ; xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang dao động và làm bất bình trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải xử lý N bị cáo để giáo dục riêng và góp phần răn đe phòng ngừa chung. Xét về nhân thân: Bị cáo đã có 01 tiền án về tội cướp tài sản chưa được xóa án tích, nay lại có các hành vi chiếm đoạt tài sản và trốn khỏi nơi giam, giữ.

Vì vậy, cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian đủ để bị cáo cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội. Tuy nhiên, xét bị cáo sau khi có hành vi phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản đã ra đầu thú và đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tại phiên tòa anh Nguyễn Văn L- bị hại xin giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo nên cũng cần xem xét để giảm nhẹ cho bị cáo một phần về hình phạt khi lượng hình.

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 (đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản) Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[2].1. *Về trách nhiệm dân sự*: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Đinh Văn Đ và anh Nguyễn Viết S đều yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho anh Đ và anh S mỗi người số tiền 5.000.000 đồng (Năm T đồng). Xét là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, cần buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Đ và anh S theo yêu cầu nêu trên.

[2].2. *Về vật chứng*: Số tiền gồm 01 tờ tiền mệnh giá 100.000đ (Một trăm nghìn đồng), có số seri SM16868904, cần trả lại bị cáo Nguyễn Văn T nhưng tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

[2].3. *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với anh Đinh Văn Đ và anh Nguyễn Viết S: Quá trình điều tra chứng minh được, khi nhận cầm cố anh Đ và anh S không biết chiếc xe mô tô trên là do T phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với anh Nguyễn Xuân P, Nguyễn Văn H biết việc T trốn khỏi nơi giam và không kịp thời trình báo cơ quan C năng nhưng xét thấy tội phạm mà Nguyễn Văn T thực hiện thuộc tội phạm ít N trọng nên anh P và anh H không phải chịu trách nhiệm hình sự. Vì vậy, Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm xử lý là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm các tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và “Trốn khỏi nơi giam, giữ”.

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm b khoản 1 Điều 175; khoản 1 Điều 386; điểm s khoản 1, khoản 2 (đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản) Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật hình sự; Điều 331; Điều 332, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Xử phạt: Nguyễn Văn T 14 (Mười bốn) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 10 (Mười) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Trốn khỏi nơi giam, giữ”; Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chấp hành hình phạt chung của cả 03 tội là **36 (Ba mươi sáu) tháng tù**; thời hạn tù tính từ ngày tạm giam bị cáo 26/3/2021, được trừ đi số ngày đã tạm giữ, tạm giam bị cáo (từ ngày 28/12/2020 đến ngày 25/3/2021).

- *Về dân sự*: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 30 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 589 của Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho anh anh Đinh Văn Đ số tiền 5.000.000 đồng (Năm T đồng) và bồi thường thiệt hại cho anh Nguyễn Viết S số tiền 5.000.000 đồng (Năm T đồng).

- *Về vật chứng*: Áp dụng khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2 và khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại bị cáo Nguyễn Văn T số tiền gồm 01 tờ mệnh giá 100.000đ (Một trăm nghìn đồng), có số seri SM16868904, nhưng tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

- *Về án phí*: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án vắng mặt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Công an Hiệp Hòa.
- Chi cục THADS h. Hiệp Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án
- Bị cáo

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM P - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Xuân Toàn**



